



CÔNG TY TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC



DỰ THẢO

QUY CHẾ
QUẢN TRỊ NỘI BỘ
CÔNG TY TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

(Ban hành kèm theo Phụ lục 1: Tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, hợp trực tiếp kết hợp với trực tuyến)

Hà Nội, tháng ... năm ...

Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực (dưới đây có thể gọi tắt là EVF) là một công ty cổ phần được thành lập phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật các tổ chức tín dụng. EVF được thực hiện hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan theo quy định của pháp luật vì mục tiêu lợi nhuận, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế của Nhà nước. Tổ chức và hoạt động của EVF được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty, các quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

Quy chế quản trị nội bộ Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông của EVF tại phiên họp ngày ... tháng năm

TÓM TẮT SỬA ĐỔI

LẦN SỬA	NGÀY BAN HÀNH	TÓM TẮT NỘI DUNG SỬA ĐỔI
01	27/4/2021	Cập nhật các nội dung điều khoản nhằm đảm bảo phù hợp với Điều lệ Công ty sửa đổi và văn bản pháp luật hiện hành
02	17/3/2023	Cập nhật các nội dung điều khoản nhằm đảm bảo phù hợp với Điều lệ Công ty sửa đổi và văn bản pháp luật hiện hành
03	15/3/2024	Cập nhật các nội dung điều khoản nhằm đảm bảo phù hợp với Điều lệ Công ty sửa đổi và văn bản pháp luật hiện hành
04	15/3/2024	Cập nhật các nội dung điều khoản nhằm đảm bảo phù hợp với Điều lệ Công ty sửa đổi và văn bản pháp luật hiện hành
05	05/4/2025	Cập nhật các nội dung điều khoản nhằm đảm bảo phù hợp với Điều lệ Công ty sửa đổi và văn bản pháp luật hiện hành
06	.../.../2026	Cập nhật các nội dung điều khoản nhằm đảm bảo phù hợp với Điều lệ Công ty sửa đổi và văn bản pháp luật hiện hành

MỤC LỤC

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Căn cứ pháp lý và các tài liệu liên quan	4
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	4
Điều 3. Giải thích từ ngữ và các từ viết tắt.....	5
Điều 4. Các nguyên tắc quản trị cơ bản	6
Điều 5. Cơ cấu quản trị chung.....	6
CHƯƠNG II CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	7
Điều 6. Quyền của cổ đông	7
Điều 7. Nghĩa vụ của Cổ đông	10
Điều 8. Vai trò của ĐHĐCĐ trong quản trị Công ty	12
Điều 9. Triệu tập họp ĐHĐCĐ.....	12
Điều 10. Thủ tục và trình tự tiến hành họp ĐHĐCĐ thường niên thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp.....	13
Điều 11. Thủ tục biểu quyết tại ĐHĐCĐ.....	14
Điều 12. Biên bản họp ĐHĐCĐ.....	15
Điều 13. Nghị quyết của ĐHĐCĐ.....	15
Điều 14. Thủ tục họp ĐHĐCĐ thường niên thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	16
CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	17
Điều 15. Cơ cấu tổ chức và vai trò của HĐQT trong quản trị Công ty	17
Điều 16. Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT	18
Điều 17. Trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT	19
Điều 18. Các Ủy ban của HĐQT	21
CHƯƠNG IV BAN KIỂM SOÁT	22
Điều 19. Vai trò và cơ cấu của Ban Kiểm soát trong quản trị Công ty.....	22
Điều 20. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	22
CHƯƠNG V TỔNG GIÁM ĐỐC	24
Điều 21. Vai trò của Tổng Giám đốc	24
Điều 22. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc	24
CHƯƠNG VI NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	26
Điều 23. Người phụ trách quản trị công ty	26
CHƯƠNG VII PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	27
Điều 24. Nguyên tắc phối hợp.....	27
Điều 25. Nội dung phối hợp giữa HĐQT, BKS và TGD	27

CHƯƠNG VIII NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN.....	29
Điều 26. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban điều hành và Giám đốc Chi nhánh.....	29
Điều 27. Giao dịch với Người có liên quan	30
Điều 28. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty	30
CHƯƠNG IX BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	31
Điều 29. Báo cáo và công bố thông tin về quản trị công ty	31
Điều 30. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.....	31
CHƯƠNG X ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC.....	31
Điều 31. Đánh giá hiệu quả làm việc của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác.....	31
Điều 32. Tiêu chí đánh giá hoạt động.....	32
Điều 33. Khen thưởng.....	32
Điều 34. Kỷ luật.....	32
CHƯƠNG XI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	33
Điều 35. Điều khoản thi hành	33
PHỤ LỤC 1: TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN VÀ BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ, HỌP TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN	34
(Ban hành kèm theo Quy chế quản trị nội bộ.....	34
Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực).....	34
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	34
Điều 2. Giải thích từ ngữ.....	34
Điều 3. Tổ chức Đại hội trực tuyến	35
Điều 4. Điều kiện tiến hành Đại hội	36
Điều 5. Trình tự, thể thức tiến hành Đại hội trực tuyến	36
Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông.....	37
Điều 8. Ban kiểm tra cổ đông	38
Điều 9. Chủ tọa, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu.....	39
Điều 10. Xác nhận tư cách cổ đông	40
Điều 11. Đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến (Check-in).....	40
Điều 12. Thảo luận tại Đại hội trực tuyến	41

Điều 13. Hình thức, cách thức biểu quyết	41
3. Bỏ phiếu điện tử.....	42
4. Kết quả biểu quyết	43
Điều 14. Tỷ lệ thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	43
1. Nội dung họp Đại hội trực tuyến được Ban thư ký ghi chép và lập thành Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	43

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Căn cứ pháp lý và các tài liệu liên quan

1. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung;
2. Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/01/2024, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2024 và các văn bản sửa đổi bổ sung;
3. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung;
4. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi bổ sung;
5. Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
6. Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
7. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực;
8. Tiêu chuẩn ISO 9001:2015;
9. Các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản quy định nội bộ khác có liên quan;

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này áp dụng đối với bộ máy tổ chức của Công ty được quy định tại Điều lệ Công ty, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc của Tổng Giám đốc.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng trong toàn hệ thống Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực.

Điều 3. Giải thích từ ngữ và các từ viết tắt

1. Trong Quy chế này, trừ trường hợp ngữ cảnh cụ thể có quy định khác, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) **Công ty/EVF**: Là Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực;

b) **Điều lệ**: Là Điều lệ của Công ty được ban hành tại từng thời điểm;

c) **Người Điều hành**: Gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc Chi nhánh;

d) **Ban Tổng Giám đốc/Ban điều hành**: Bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;

e) **Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành**: (sau đây gọi là “**Thành viên không điều hành**”) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

f) **Thành viên Hội đồng quản trị độc lập** (sau đây gọi là “**Thành viên độc lập**”) là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều 41 Luật các Tổ chức tín dụng;

g) **Người có liên quan**: được định nghĩa theo Khoản 24 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng cho các vấn đề về tổ chức, hoạt động của EVF mà được quy định bởi pháp luật về các tổ chức tín dụng. Đối với việc công bố thông tin và các vấn đề khác mà pháp luật về các tổ chức tín dụng không quy định, người có liên quan được xác định tương ứng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán;

i) **Người phụ trách quản trị Công ty**: Là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

j) **Cổ đông lớn** của EVF là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 05% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại EVF.

k) **DHĐCĐ**: Là Đại hội đồng cổ đông Công ty;

l) **HDQT**: Là Hội đồng quản trị Công ty;

m) **TGD**: Là Tổng Giám đốc Công ty;

n) **BKS**: Là Ban Kiểm soát.

2. Các từ, ngữ, thuật ngữ, khái niệm chưa được định nghĩa trong Điều này, sẽ được hiểu theo từng ngữ cảnh cụ thể trong Quy chế và các quy định có liên quan của Công ty và của pháp luật.

Điều 4. Các nguyên tắc quản trị cơ bản

Quy chế này được xây dựng trên cơ sở những nguyên tắc quản trị cơ bản sau:

1. Tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ của Công ty;
2. Cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả;
3. Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Công ty và cổ đông;
4. Bảo đảm quyền của cổ đông, đối xử bình đẳng giữa các cổ đông;
5. Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty;
6. Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị Công ty;
7. Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của Công ty; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.

Điều 5. Cơ cấu quản trị chung

Cơ cấu quản trị của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG II

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 6. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:
 - a) Tham dự và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
 - b) Nhận cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 - c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông tại EVF. Việc chào bán cổ phần mới được thực hiện theo các trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật về chứng khoán. Trường hợp cổ đông không chấp nhận mua cổ phần được chào bán, Hội đồng quản trị được quyền chào bán số cổ phần mới đó cho những người thích hợp khác theo những điều kiện và cách thức phù hợp nhưng không được thuận lợi hơn những điều kiện trước đó đã chào cho cổ đông;
 - d) Chuyển nhượng cổ phần, quyền mua cổ phần cho cổ đông khác của EVF hoặc tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật và quy định trong Điều lệ của EVF và/hoặc nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định pháp luật, quy định nội bộ của EVF.
 - e) Xem, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình.

- f) Xem, tra cứu, trích lục, sao chụp Điều lệ của EVF, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - g) Được chia phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần sở hữu tại EVF khi EVF giải thể hoặc phá sản.
 - h) Ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình.
 - i) Ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ của EVF hoặc theo quy định của pháp luật nếu Điều lệ của EVF không quy định. Danh sách ứng cử viên phải được gửi đến Hội đồng quản trị theo thời hạn do Hội đồng quản trị quy định.
 - j) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau;
 - k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do EVF công bố theo quy định của pháp luật;
 - l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; được đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm) phần trăm tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định của Điều lệ Công ty có quyền:
- a) Đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Danh sách ứng cử viên phải được gửi tới Hội đồng quản trị theo thời hạn do Hội đồng quản trị quy định;
 - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều này;
 - c) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của EVF;
 - d) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của EVF khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và

phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều lệ;

f) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, và cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu trên 5% tổng số cổ phần phổ thông đề cử.
6. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên HĐQT hoặc Tổng Giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công ty hoặc người khác trong các trường hợp theo quy định tại Khoản 1 Điều 166 Luật Doanh nghiệp.

Điều 7. Nghĩa vụ của Cổ đông

1. Cổ đông phổ thông của EVF phải thực hiện các nghĩa vụ sau đây:

- a) Thanh toán đủ số tiền tương ứng với số cổ phần đã cam kết mua trong thời hạn do EVF quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của EVF trong phạm vi vốn cổ phần đã góp vào EVF;
- b) Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi EVF dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của EVF, trừ trường hợp EVF mua lại cổ phần theo quy định tại Điều lệ. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong EVF phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản của EVF trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
- c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại EVF; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của EVF; không được góp vốn, mua cổ phần của EVF dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;
- d) Tuân thủ Điều lệ và các quy định nội bộ của EVF;

- e) Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- f) Chịu trách nhiệm khi nhân danh EVF dưới mọi hình thức để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- g) Bảo mật thông tin được EVF cung cấp theo quy định của pháp luật và Điều lệ của EVF; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; không được phát tán, sao, gửi thông tin được EVF cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;
- h) Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết qua các hình thức sau:
 - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử hoặc hình thức khác theo quy định trong Điều lệ công ty hoặc các quy định nội bộ liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- i) Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của EVF, của các cổ đông khác theo quy định pháp luật và Điều lệ; có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ.
- j) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp cho EVF thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư trong EVF. EVF có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các cổ đông nhận ủy thác đầu tư trong trường hợp cổ đông này không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác về chủ sở hữu thực sự các cổ phần.

3. Cổ đông lớn có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật có liên quan, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:

- a) Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- b) Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
- c) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

Điều 8. Vai trò của ĐHĐCĐ trong quản trị Công ty

1. ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của EVF. Tất cả các cổ đông có tên trong danh sách đăng ký cổ đông đều có quyền tham dự.
2. ĐHĐCĐ hoạt động thông qua cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường.
3. Nghị quyết của ĐHĐCĐ chỉ có giá trị khi được các Cổ đông hoặc người được ủy quyền thông qua theo quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty.

Điều 9. Triệu tập họp ĐHĐCĐ

1. Họp ĐHĐCĐ thường niên:

- a) Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- b) Đại hội đồng cổ đông thường niên được Hội đồng quản trị triệu tập, được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam; Địa điểm cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định căn cứ vào tình hình thực tế. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được luật pháp và Điều lệ này quy định. Trường hợp Báo cáo kiểm toán, báo cáo tài chính năm của EVF có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, EVF phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của EVF dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nên trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của EVF.

2. Họp ĐHĐCĐ bất thường:

HĐQT hoặc người triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong một số trường hợp nhất định theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty.

Điều 10. Thủ tục và trình tự tiến hành họp ĐHĐCĐ thường niên thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp

Trình tự, thủ tục tiến hành họp ĐHĐCĐ thường niên được thực hiện theo Quy chế này và các quy định có liên quan của Điều lệ và pháp luật. Một số quy định chính về thủ tục và trình tự tiến hành họp ĐHĐCĐ như sau:

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên danh sách cổ đông của EVF và danh sách người sở hữu chứng khoán do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam xác lập tại thời điểm xác định quyền dự họp theo quy định pháp luật về chứng khoán. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thời hạn khác theo quy định pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán, tùy thuộc thời điểm nào đến trước. EVF phải công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 29 Điều lệ Công ty.

3. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ.

- a) Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho đại diện của mình tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định chi tiết tại Phụ lục 01 của Quy chế này;
 - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

- b) Vào ngày khai mạc cuộc họp, các cổ đông và người được ủy quyền dự họp phải có mặt tại địa điểm họp hoặc đăng nhập vào tài khoản truy cập do Công ty cung cấp đúng thời gian đã được thông báo để làm thủ tục đăng ký dự họp. Khoảng thời gian dành cho việc đăng ký thực hiện theo thông báo mời họp.
- c) Hết thời gian dành cho việc đăng ký, nếu đã đủ tỷ lệ tối thiểu để tiến hành cuộc họp, Chủ tọa có thể cho bắt đầu cuộc họp để bảo đảm tiến độ, không cần phải chờ đến khi có đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp.
- d) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết các vấn đề ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Cách thức bỏ phiếu, cách thức kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu, cách thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ, lập Biên bản họp ĐHĐCĐ, công bố Nghị quyết và các vấn đề khác được thực hiện theo Điều lệ Công ty, Quy chế này, Quy chế làm việc của từng thời kỳ của ĐHĐCĐ và theo quy định pháp luật.

Điều 11. Thủ tục biểu quyết tại ĐHĐCĐ

- 1. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề hoặc từng nhóm vấn đề trong nội dung chương trình dưới sự điều khiển của chủ tọa.
- 2. Khi đến dự họp ĐHĐCĐ, mỗi cổ đông được phát Phiếu biểu quyết do Công ty phát hành. Việc biểu quyết tại đại hội sẽ được tiến hành bằng cách thu hoặc đếm số Phiếu tán thành một vấn đề và sau đó thu hoặc đếm số phiếu phủ quyết vấn đề đó, và sau đó đưa ra tổng số phiếu biểu quyết. Tổng số phiếu ủng hộ một vấn đề, phủ quyết một vấn đề, hoặc không biểu quyết, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi biểu quyết một vấn đề.
- 3. Cách thức kiểm phiếu: Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp .
- 4. Trường hợp cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thông qua Hội nghị trực tuyến, việc thực hiện các thủ tục biểu quyết, bỏ phiếu điện tử được quy định chi tiết tại Điều 13 Phụ lục 01 của Quy chế này.

Điều 12. Biên bản họp ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp phải có các nội dung chủ yếu được quy định tại Điều 35 Điều lệ Công ty.

2. Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ phải được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

3. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được hoàn thành và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

5. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố đến các cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 13. Nghị quyết của ĐHĐCĐ

1. Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua khi có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 Điều lệ Công ty và có giá trị hiệu lực cao nhất trong Công ty. Mọi đơn vị, cá nhân có liên quan (bao gồm các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát và thành viên Ban Điều hành, cổ đông...) đều có nghĩa vụ thi hành.

2. Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp theo quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty.

Điều 14. Thủ tục họp ĐHĐCĐ thường niên thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty trừ các vấn đề quy định tại Khoản 1 Điều 32 Điều lệ Công ty.

2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách lấy ý kiến cổ đông, yêu cầu và cách thức lấy ý kiến, cách thức gửi được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật liên quan.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Điều lệ Công ty và được gửi cho các cổ đông theo trình tự, thủ tục nêu tại khoản 2 Điều này.

4. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải theo quy định tại Khoản 4 Điều 34 Điều lệ Công ty.

5. HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Khoản 5 Điều 34 Điều lệ Công ty.

6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

7. Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu

trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cơ cấu tổ chức và vai trò của HĐQT trong quản trị Công ty

1. HĐQT là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh EVF để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của EVF, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

2. HĐQT xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT để trình ĐHĐCĐ ban hành và HĐQT ban hành các Quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát hoặc của ĐHĐCĐ trên cơ sở những quy định có liên quan của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. HĐQT có nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định trong Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật liên quan.

4. HĐQT phải có tối thiểu 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên, trong đó có ít nhất 02 (hai) thành viên độc lập. HĐQT phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành của EVF. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của EVF phải đảm bảo quy định sau: (i) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp EVF có số thành viên Hội đồng quản trị dưới 08 thành viên; (ii) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp EVF có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

5. Nhiệm kỳ của HĐQT không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

6. Trường hợp số thành viên HĐQT không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ của EVF thì trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên tối thiểu, EVF phải bổ sung đủ số lượng thành viên HĐQT. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận danh sách dự kiến việc bầu, bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và các thành viên HĐQT của EVF phải được báo cáo lên Ngân hàng Nhà Nước bằng văn bản và các tài liệu liên quan trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc.

Điều 16. Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT: Thành viên HĐQT phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Điều lệ Công ty.

2. Tiêu chuẩn thành viên độc lập HĐQT: Thành viên độc lập HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 48 Điều lệ Công ty.

3. Nguyên tắc cổ đông, nhóm cổ đông đề cử người vào HĐQT theo quy định tại khoản 8 Điều 45 Điều lệ Công ty.

4. Thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT (trong trường hợp đã xác định được các ứng viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.

a) Thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu bao gồm:

- Họ tên, ngày tháng năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Tên các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ Thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;

- Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - Các thông tin khác (nếu có).
- b) Các ứng viên HĐQT có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên HĐQT một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT.
5. Công ty phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng viên HĐQT (nếu có).

6. Cách thức bầu thành viên HĐQT.

Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết số phiếu bầu của mình cho một ứng cử viên hoặc phân chia cho các ứng cử viên.

7. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.

Việc miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định tại Điều 41 Điều lệ Công ty.

Điều 17. Trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT

HĐQT có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Cuộc họp định kỳ của HĐQT do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch/ thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền triệu tập phù hợp quy định pháp luật và quy định nội bộ công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần. HĐQT có thể họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác. HĐQT tổ chức họp theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 51 Điều lệ Công ty, Điều 27 Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và quy định của pháp luật. Một số quy định về trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT như sau:

1. Thông báo họp HĐQT: Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày tổ chức họp. Thông báo về cuộc họp HĐQT được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn

đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và cả các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp. Những thành viên HĐQT này sẽ gửi phiếu bầu cho HĐQT trước khi họp.

2. Điều kiện tổ chức họp HĐQT: Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp triệu tập họp HĐQT định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập tiếp cuộc họp HĐQT lần hai trong thời gian không quá 07 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.

3. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

4. Cách thức thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT:

4.1. Đối với trường hợp thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số phiếu biểu quyết tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của người chủ tọa cuộc họp.

4.2. Đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một nghị quyết, quyết định bởi thông qua bởi các thành viên HĐQT tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:

- a. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên HĐQT có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;

- b. Số lượng thành viên HĐQT có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp HĐQT.

5. Biên bản họp HĐQT: Cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải được tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp ký tên. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

6. Nghị quyết quyết định của HĐQT.

Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua theo quy định tại Khoản 11, 12 Điều 51 Điều lệ Công ty.

7. Hàng năm, HĐQT yêu cầu từng thành viên độc lập có báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT và báo cáo đánh giá này có thể được công bố tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 18. Các Ủy ban của HĐQT

1. HĐQT phải thành lập các Ủy ban để giúp HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự.

2. HĐQT quyết định nhiệm vụ, quyền hạn của 02 (hai) Ủy ban này theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG IV

BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Vai trò và cơ cấu của Ban Kiểm soát trong quản trị Công ty

1. Ban Kiểm soát là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu, thay mặt các cổ đông để thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.
2. BKS có tối thiểu 03 (ba) thành viên và không nhiều hơn 05 (năm) thành viên.
3. Nhiệm kỳ của BKS không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên BKS theo nhiệm kỳ của BKS. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. BKS của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

Điều 20. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Ban Kiểm soát:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 38 Điều lệ Công ty;
 - b) Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
 - c) Có trình độ đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;
 - d) Có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;
 - e) Không phải là người có liên quan của EVF;
 - f) Trưởng Ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong đương nhiệm;
 - h) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
2. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự quy định đề cử, ứng cử người vào HĐQT tại Quy chế này và Điều lệ Công ty.
3. Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban Kiểm soát (trong trường hợp đã xác định được các ứng viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp

DHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.

a) Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban Kiểm soát được công bố tối thiểu bao gồm:

- Họ tên, ngày tháng năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Tên các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm soát và các chức danh quản lý khác;
- Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của công ty;
- Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty.

b) Các ứng viên BKS có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên BKS một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên BKS.

4. Công ty phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên BKS, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng viên BKS (nếu có).

5. Thay thế thành viên Ban Kiểm soát.

- a) Thành viên của Ban Kiểm soát sẽ đương nhiên bị mất tư cách hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm chức danh theo quy định tại Điều 40 và Điều 41 của Điều lệ Công ty. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và chấp thuận việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban và các thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- b) Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Trưởng Ban Kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách thành viên Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban Kiểm soát để bầu một thành viên Ban Kiểm soát (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước) làm Trưởng Ban Kiểm soát.
- c) Trưởng Ban Kiểm soát muốn từ chức Trưởng ban, phải có đơn gửi đến HĐQT và Ban Kiểm soát. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, Ban Kiểm

soát phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Trưởng Ban Kiểm soát theo quy định hiện hành.

- d) Thành viên Ban Kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến HĐQT và Ban Kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.
- e) Trường hợp không đủ hai phần ba tổng số thành viên Ban Kiểm soát hoặc không đủ số thành viên Ban Kiểm soát tối thiểu theo quy định của Điều lệ Công ty, trong thời hạn không quá 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban Kiểm soát theo quy định, Ban Kiểm soát phải đề nghị HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát.
- f) Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Ban Kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

CHƯƠNG V

TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 21. Vai trò của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của EVF và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

Điều 22. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc

1. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ Công ty, cụ thể:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 38 của Điều lệ Công ty;
- b) Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
- c) Có trình độ Đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;
- d) Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 05 năm là người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám

đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

e) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;

2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc.

a) HĐQT ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc. Trình tự, thủ tục, hồ sơ về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Quy chế bổ nhiệm, miễn nhiệm của Công ty.

b) Tổng Giám đốc sau khi có quyết định bổ nhiệm của HĐQT được đảm nhiệm công việc của chức danh mới được bổ nhiệm; Tổng Giám đốc cũ có trách nhiệm bàn giao công việc cho Tổng Giám đốc mới xử lý và phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

c) Trường hợp Tổng Giám đốc bị đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc thì HĐQT phải cử ngay một Phó Tổng Giám đốc hoặc một Trưởng đơn vị trong Công ty (trường hợp không có Phó Tổng Giám đốc) đảm bảo các điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và không thuộc đối tượng quy định tại Điều 38 của Điều lệ đảm nhiệm công việc của Tổng Giám đốc và có ngay báo cáo bằng văn bản kèm tài liệu chứng minh về việc nhân sự đương nhiên mất tư cách lên Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này.

d) Trong thời hạn tối đa 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Tổng Giám đốc bị đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc hoặc HĐQT ra quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc, HĐQT phải tìm người thay thế và tiến hành các thủ tục xin bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới theo quy định của pháp luật.

e) Trường hợp Tổng Giám đốc vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ của Công ty, HĐQT có quyền tạm đình chỉ quyền điều hành của Tổng Giám đốc, đồng thời phải cử ngay một Phó Tổng Giám đốc hoặc một Trưởng phòng đơn vị trong Công ty (trường hợp không có Phó Tổng Giám đốc) đảm bảo các điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, không thuộc đối tượng quy định tại Điều 38 của Điều lệ Công ty để đảm nhiệm công việc của Tổng Giám đốc và có ngay

văn bản báo cáo, đề xuất xử lý đối với những sai phạm, cũng như chức danh Tổng Giám đốc, gửi Ngân hàng Nhà nước giải quyết theo quy định hiện hành.

f) Trong thời gian Tổng Giám đốc chưa được chính thức bổ nhiệm, Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT, Trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên BKS hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cổ đông về mọi hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG VI

NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 23. Người phụ trách quản trị công ty

1. HĐQT của công ty đại chúng phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của HĐQT hoặc Ban Kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và thành viên Ban Kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VII
PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 24. Nguyên tắc phối hợp

HĐQT, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc phối hợp hoạt động theo các nguyên tắc sau:

1. Luôn vì lợi ích chung của Công ty.
2. Tuân thủ các quy định có liên quan của Pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của EVF.
3. Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên trao đổi nhằm cùng nhau tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có).

Điều 25. Nội dung phối hợp giữa HĐQT, BKS và TGD

1. Triệu tập họp HĐQT:

Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền đề nghị triệu tập họp HĐQT bất thường để thảo luận và giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định tại Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS.

2. Tham gia các cuộc họp của HĐQT:

- a) TGD tham gia các phiên họp của HĐQT theo quy định tại Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo chương trình, tình hình thực hiện Nghị quyết HĐQT, các nhiệm vụ, kế hoạch kinh doanh được giao.
- b) Ban Kiểm soát tham dự các cuộc họp của HĐQT, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị, nhưng không tham gia biểu quyết đối với các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Ban Kiểm soát thông báo kịp thời với HĐQT về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát, có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ và trực tiếp báo cáo trước ĐHĐCĐ.
- c) Nghị quyết, quyết định của HĐQT phải được gửi 01 bản cho Trưởng Ban Kiểm soát để giám sát và 01 bản cho Tổng Giám đốc để biết, thực hiện sau khi ban hành.

3. Phối hợp giữa TGD và HĐQT trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao:

- a) Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung có liên quan đã nêu tại nghị quyết, quyết định của HĐQT. Tổng Giám

độc phải báo cáo kịp thời tới HĐQT trong trường hợp nhận thấy việc thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT trên thực tế tại thời điểm hiện tại hoặc tương lai có thể ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh của Công ty để HĐQT xem xét. Trường hợp HĐQT không ban hành nghị quyết, quyết định thay thế, Tổng Giám đốc có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT đã ban hành.

- b) Tổng Giám đốc có trách nhiệm Báo cáo với HĐQT, Ban Kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông về hoạt động, hiệu quả và kết quả kinh doanh và các vấn đề khác liên quan đến hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- c) Các thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh hoặc những Người điều hành khác của Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu, báo cáo về các lĩnh vực mình phụ trách hoặc các vấn đề trình lên HĐQT phê duyệt. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các chi nhánh hoặc những Người điều hành khác có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu, báo cáo cho các thành viên HĐQT khi được yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp.
- d) Tổng Giám đốc được quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, sau đó phải báo cáo ngay HĐQT để giải quyết tiếp.

4. Phối hợp hoạt động kiểm soát, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc

a) Quan hệ giữa BKS và HĐQT:

- Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình các báo cáo và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.
- HĐQT, thành viên HĐQT, TGD phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.
- Các thành viên Ban Kiểm soát được HĐQT cung cấp tài liệu và thông tin cần thiết phục vụ công tác của BKS. BKS hoạt động với tư cách khách quan, độc lập trong quá trình kiểm tra, kiểm soát các hoạt động kinh doanh – quản lý – điều

hành Công ty, đồng thời BKS có trách nhiệm phối hợp cùng với HĐQT theo dõi chỉ đạo quá trình chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của BKS sau mỗi lần kiểm tra.

- Trường hợp Ban Kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong thời gian sớm nhất hoặc theo quy định của Công ty.

b) Quan hệ giữa BKS đối với Tổng Giám đốc:

- BKS có quyền kiểm tra, giám sát đối với việc thực hiện nhiệm vụ điều hành Tổng Giám đốc. BKS có quyền yêu cầu cung cấp thông tin (định kỳ hoặc đột xuất) tất cả các báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban Kiểm soát. TGD có trách nhiệm theo dõi chỉ đạo bộ máy chuyên môn nghiệp vụ chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Ban Kiểm soát sau mỗi lần kiểm tra.
- Ban Kiểm soát được sử dụng hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ của Công ty để thực thi nhiệm vụ, yêu cầu các bộ phận nghiệp vụ và nhân viên trực tiếp làm nghiệp vụ giải trình các công việc đã làm để phục vụ việc kiểm tra hoặc kiểm toán
- Khi thực thi nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát phải thông báo trước kế hoạch làm việc bằng văn bản của Trưởng BKS, nhằm bảo đảm không làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

CHƯƠNG VIII

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN

Điều 26. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban điều hành và Giám đốc Chi nhánh

1. Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, Giám đốc Chi nhánh phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, Giám đốc Chi nhánh, và những Người có liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, Giám đốc Chi nhánh có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa EVF, công ty con, công ty do EVF nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những Người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, Giám đốc Chi nhánh và những Người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
5. Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

Điều 27. Giao dịch với Người có liên quan

1. Công ty có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật trong giao dịch với Người có liên quan.
2. Khi tiến hành giao dịch với những Người có liên quan, HĐQT/Ban điều hành/Người điều hành khác phải đảm bảo việc ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.
3. Nội dung Hợp đồng với Người có liên quan phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty

1. Công ty phải thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và người có quyền lợi liên quan đến Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ.

2. Công ty phải tuân thủ các quy định về luật lao động, môi trường và xã hội.

CHƯƠNG IX

BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 29. Báo cáo và công bố thông tin về quản trị công ty

Báo cáo tình hình quản trị Công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Điều 30. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 27 Quy chế này, thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo HĐQT, Ban Kiểm soát trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa công ty với công ty mà những người trên là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
2. Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người có liên quan của những người trên là thành viên HĐQT, Tổng giám đốc (Giám đốc) hoặc cổ đông lớn.

CHƯƠNG X

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 31. Đánh giá hiệu quả làm việc của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác

1. Đánh giá hiệu quả làm việc của các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác bằng các hình thức sau đây:
 - a. Tự nhận xét đánh giá;
 - b. Đánh giá hoạt động hằng năm được tiến hành vào dịp cuối năm;
 - c. Đánh giá đột xuất;

- d. Cách thức khác do HĐQT lựa chọn vào từng thời điểm;
2. HĐQT sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT và các chức danh do HĐQT bổ nhiệm;
3. Ban Kiểm soát sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của thành viên Ban Kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc sẽ tiến hành đánh giá các hoạt động của các chức danh do Ban điều hành bổ nhiệm.

Điều 32. Tiêu chí đánh giá hoạt động

Tiêu chí đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban điều hành bao gồm kết quả thực hiện công việc được giao, mức độ và khối lượng hoàn thành, chất lượng và hiệu quả công việc của cá nhân và đơn vị.

Điều 33. Khen thưởng

1. Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác có thành tích trong việc quản trị, điều hành Công ty và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định của Pháp luật và Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức thưởng đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Điều lệ và Pháp luật.
3. HĐQT quyết định mức thưởng đối với các chức danh HĐQT trực tiếp quản lý theo quy định nội bộ của Công ty. Các hình thức và mức khen thưởng, trình tự, thủ tục xét thưởng sẽ được thực hiện theo quyết định của HĐQT trong từng thời kỳ.
4. Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Người điều hành không được yêu cầu trả thưởng khi EVF bị lỗ.

Điều 34. Kỷ luật

1. Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định có liên quan của Pháp luật, Điều lệ và các quy định khác của Công ty thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của Pháp luật và/hoặc Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông xem xét và xử lý theo thẩm quyền đối với các vi phạm của HĐQT, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho EVF và cổ đông của EVF.
3. HĐQT có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do HĐQT quản lý trên cơ sở quy định do Hội đồng Quản trị ban hành.
4. Ban Kiểm soát có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh thuộc Bộ phận kiểm toán nội bộ trên cơ sở quy định nội bộ của Công ty.

CHƯƠNG XI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này được Đại hội đồng cổ đông thông qua kể từ ngày ký và thay thế Quy chế Quản trị nội bộ số 06/QĐ-HĐQT-TCĐL ngày 15 tháng 4 năm 2025. Những vấn đề chưa được đề cập đến trong Quy chế này, sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của Pháp luật và quy định khác của EVF.
2. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa quy định của Quy chế này với quy định của Điều lệ Công ty về cùng một vấn đề thì quy định của Điều lệ Công ty được ưu tiên áp dụng. Khi có những nội dung nào trong Quy chế này trái với quy định của Pháp luật, thì đương nhiên hết hiệu lực thi hành.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHẠM TRUNG KIÊN

PHỤ LỤC 1: TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN VÀ BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ, HỌP TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN

(Ban hành kèm theo Quy chế quản trị nội bộ

Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông (thường niên hoặc bất thường) của Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực (Công ty/EVF) bằng hình thức Đại hội trực tuyến và quy định về việc biểu quyết bằng phương thức bỏ phiếu điện tử của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Đại hội trực tuyến** là hình thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải hình ảnh, âm thanh thông qua môi trường internet, cho phép cổ đông ở nhiều địa điểm khác nhau có thể theo dõi diễn biến của đại hội, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp.
2. **Đại hội truyền thống** là hình thức tổ chức cuộc họp tại duy nhất một địa điểm, cổ đông tham dự, thảo luận và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
3. **Địa điểm tổ chức Đại hội trực tuyến** bao gồm địa điểm chính và các địa điểm khác. Trong đó, địa điểm chính là nơi chủ tọa tham dự và chủ trì cuộc họp, các địa điểm khác là nơi cổ đông đăng nhập vào Hệ thống bằng Tài khoản truy cập đã được Công ty cung cấp để tham dự Đại hội trực tuyến.
4. **Bỏ phiếu điện tử** là việc cổ đông thực hiện biểu quyết thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử theo quy định tại Quy chế này.
5. **Bỏ phiếu truyền thống** là việc cổ đông tham gia biểu quyết trực tiếp tại đại hội truyền thống.
6. **Phương tiện điện tử** là phương tiện hoạt động dựa trên công nghệ điện, điện tử, kỹ thuật số, từ tính, truyền dẫn không dây, quang học, điện từ hoặc công nghệ tương

tự.

7. **Đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến** là việc cổ đông sử dụng Tài khoản truy cập để đăng nhập vào Hệ thống và đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo quy định tại Quy chế này và hướng dẫn của Công ty.
8. **Tài khoản truy cập** bao gồm thông tin tên truy cập (username) và mật khẩu (password) được Công ty cấp duy nhất cho từng cổ đông.
9. **Mật khẩu xác thực 1 lần (OTP – One time password)**: là mật khẩu/mật mã sử dụng một lần, chỉ có giá trị trong một khoảng thời gian nhất định và được nhắn tin vào số điện thoại di động/email hoặc phương thức khác của cổ đông đã cung cấp theo Quy chế này. OTP được sử dụng để cổ đông xác nhận thông tin và đồng ý thực hiện các thao tác trên Hệ thống khi tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc các tác vụ khác cần xác thực từ cổ đông.
10. **Phiên đăng nhập (Session)**: là thời gian tính từ thời điểm cổ đông truy cập thành công vào Hệ thống cho đến khi: (i) hoặc là cổ đông thực hiện đăng xuất khỏi Hệ thống; (ii) hoặc cổ đông truy cập trên thiết bị khác; (iii) hoặc thời gian tổ chức Đại hội trực tuyến đã kết thúc; (iv) hoặc cổ đông tắt ngang (close) Hệ thống.
11. **Hệ thống** là tổng hợp các cơ sở hạ tầng kỹ thuật để tổ chức, vận hành chương trình Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử.

Thời gian mở cửa Hệ thống là thời điểm bắt đầu để cổ đông có thể truy cập, đọc tài liệu và đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến. Hệ thống sẽ đóng truy cập theo thông báo của Chủ tọa hoặc Ban tổ chức đại hội.

Điều 3. Tổ chức Đại hội trực tuyến

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định tổ chức cuộc họp đại hội cổ đông theo hình thức trực tuyến thay vì tổ chức cuộc họp đại hội đồng cổ đông theo hình thức gặp mặt trực tiếp nếu đánh giá thấy việc tổ chức cuộc họp đại hội đồng cổ đông gặp mặt trực tiếp có thể không thực hiện được do dịch bệnh, quyết định cơ quan quản lý có thẩm quyền hoặc các nguyên nhân bất khả kháng khác.
2. Ban tổ chức đại hội có trách nhiệm thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông có quyền dự họp, gửi thư mời họp, công bố thông tin, gửi tài liệu họp và các công

việc khác theo quy định tại Điều 10 Quy chế quản trị nội bộ Công ty.

3. Ban tổ chức đại hội có trách nhiệm gửi văn bản có nội dung hướng dẫn xác nhận tư cách cổ đông đến từng cổ đông.
4. Cổ đông đăng ký tham dự đại hội theo quy định tại Quy chế này là cơ sở xác định tỷ lệ cổ đông tham dự để tiến hành tổ chức Đại hội trực tuyến.
5. Hình thức cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử có giá trị pháp lý như tham dự và biểu quyết tại Đại hội truyền thống, Bỏ phiếu truyền thống.
6. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm ban hành các hướng dẫn cần thiết phục vụ cho công tác tổ chức Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.

Điều 4. Điều kiện tiến hành Đại hội

1. Số cổ đông đăng ký tham dự đại hội đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách ngày đăng ký cuối cùng do Trung tâm lưu ký chứng khoán cung cấp.
2. Hệ thống tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - a. Đường truyền của Hệ thống tại địa điểm chính phải liên tục, ổn định, đảm bảo sự tham dự của các cổ đông không bị gián đoạn. Trường hợp việc tổ chức đại hội bị gián đoạn tại địa điểm chính thì Ban tổ chức đại hội hoặc Ban chủ tọa phải tóm tắt lại diễn biến phần gián đoạn đó.
 - b. Địa điểm chính phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, đường truyền, nguồn điện, phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của cuộc họp trực tuyến.
 - c. Đảm bảo an toàn thông tin, giữ bí mật Tài khoản truy cập vào Hệ thống. Mọi thông tin tiếp nhận và cung cấp trên Hệ thống đảm bảo nguyên tắc bảo mật thông tin và phù hợp với các quy định của Công ty và của pháp luật liên quan.
 - d. Dữ liệu điện tử của chương trình Đại hội trực tuyến phải được lưu giữ, trích xuất được từ Hệ thống.

Điều 5. Trình tự, thể thức tiến hành Đại hội trực tuyến

1. Việc triệu tập, lập danh sách cổ đông, gửi thư mời họp và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quy chế quản trị nội bộ Công ty.
2. Thể thức tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử được thực hiện theo quy định tại Quy chế này. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng Quản trị ban hành các hướng dẫn để phù hợp với những thay đổi công nghệ và an toàn bảo mật nhưng không trái với các nguyên tắc của Quy chế này.
3. Trường hợp có sự cố kỹ thuật làm ảnh hưởng việc tham dự liên tục Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử, cổ đông liên hệ Công ty theo hướng dẫn được thông báo tại thư mời họp hoặc do Ban tổ chức đại hội công bố trong thời gian diễn ra Đại hội trực tuyến để được hỗ trợ.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và biểu quyết tất cả các vấn đề của đại hội, theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế này và hướng dẫn của Ban tổ chức đại hội.
2. Có quyền phát biểu ý kiến, thảo luận trực tiếp tại đại hội theo quy định tại Điều 11 của Quy chế này.
3. Tuân thủ sự điều hành của Ban chủ tọa; không gây rối hoặc gây mất trật tự trong đại hội.
4. Phải đăng ký thông tin số điện thoại di động, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thư điện tử chính xác và gửi thư phản hồi cho Công ty để Ban tổ chức đại hội gửi thư mời họp và/hoặc tài liệu hướng dẫn thực hiện đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử. Cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác đối với các thông tin đã đăng ký.
5. Cổ đông phải chuẩn bị và sử dụng thiết bị họp trực tuyến phù hợp, có kết nối internet để đảm bảo theo dõi được diễn biến của Đại hội trực tuyến.
6. Mọi kết quả bỏ phiếu điện tử của cổ đông được xem là ý chí của cổ đông. Kết quả bỏ phiếu thông qua phương thức điện tử có giá trị như phương thức Bỏ phiếu truyền thống.
7. Được sử dụng Tài khoản truy cập do Công ty cấp để đăng nhập vào Hệ thống và

thực hiện bỏ phiếu điện tử cho tất cả các đợt biểu quyết của đại hội. Cổ đông phải chịu trách nhiệm và không được quyền khiếu nại khi cổ đông thoát khỏi Hệ thống vì bất kỳ lý do gì hoặc để người khác sử dụng Tài khoản truy cập của mình truy cập vào Hệ thống trong thời gian diễn ra đại hội tính từ thời điểm Hệ thống mở cho việc đăng ký tham dự, thảo luận, biểu quyết đến lúc đóng Hệ thống.

8. Cổ đông có trách nhiệm bảo mật Tài khoản truy cập và các yếu tố định danh khác do Công ty cung cấp để đảm bảo chỉ có cổ đông mới có quyền thực hiện việc tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến, bỏ phiếu điện tử trên Hệ thống. Trường hợp cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử cho cá nhân/tổ chức khác thì cổ đông và người được ủy quyền chịu trách nhiệm đối với việc ủy quyền và kết quả bỏ phiếu điện tử theo Tài khoản truy cập đã được cấp.
9. Cổ đông phải đảm bảo việc tham dự trực tuyến liên tục trong suốt thời gian diễn ra Đại hội trực tuyến. Hệ thống sẽ tự động ghi nhận là cổ đông tham dự kể từ thời điểm đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến cho tới khi đại hội kết thúc. Trường hợp cổ đông sau khi đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến nhưng không thể tham dự liên tục đến hết chương trình thì có thể thực hiện biểu quyết đối với các nội dung cần xin ý kiến cổ đông trước khi đăng xuất (logout) Hệ thống.

Điều 7. Ban tổ chức đại hội

1. Ban tổ chức đại hội là cơ quan do Hội đồng Quản trị thành lập. Số lượng và thành phần Ban tổ chức đại hội do Hội đồng Quản trị quyết định.
2. Ban tổ chức đại hội có trách nhiệm sau đây:
 - a. Thực hiện các công việc theo quy định tại Quy chế này.
 - b. Hướng dẫn, đầu mối giải đáp các thắc mắc của cổ đông về việc đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử.
 - c. Chuẩn bị phương tiện điện tử, cơ sở vật chất đảm bảo cho công tác tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử.
 - d. Thực hiện các công việc khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

Điều 8. Ban kiểm tra cổ đông

1. Ban kiểm tra cổ đông là bộ phận giúp việc của Ban tổ chức đại hội. Số lượng và thành phần Ban kiểm tra cổ đông do Ban tổ chức đại hội quyết định. Ban tổ chức đại hội có thể phân công nhân sự giúp việc cho Ban kiểm tra cổ đông để hoàn thành nhiệm vụ được giao.
2. Ban kiểm tra cổ đông có trách nhiệm:
 - a. Kiểm tra tư cách cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo đúng quy định pháp luật và của Quy chế này.
 - b. Báo cáo trước Đại hội trực tuyến về tỷ lệ cổ đông tham dự đại hội.

Phương thức kiểm tra: Ban kiểm tra cổ đông căn cứ vào thông tin đăng nhập từ Tài khoản truy cập của các cổ đông để làm cơ sở xác định số cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến.

Điều 9. Chủ tọa, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu

1. Chủ tọa:
 - a. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm Chủ tọa cuộc họp, hỗ trợ Chủ tọa có một số thành viên khác cùng tham gia để điều hành cuộc họp (Ban chủ tọa).
 - b. Ban chủ tọa điều hành Đại hội trực tuyến theo đúng Quy chế này và nội dung chương trình làm việc đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - c. Quyết định của Ban chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội trực tuyến sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
 - d. Ban chủ tọa tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội trực tuyến một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để cuộc họp phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

2. Ban thư ký:

Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Ban thư ký cuộc họp, Ban thư ký thực hiện các công việc sau:

- a. Tổng hợp các ý kiến của cổ đông trong quá trình diễn ra Đại hội trực tuyến và gửi cho Ban chủ tọa.

- b. Ghi chép trung thực diễn biến của Đại hội trực tuyến vào nội dung biên bản và nghị quyết cuộc họp để đại hội thông qua trước khi kết thúc đại hội.
 - c. Thực hiện các công việc khác theo phân công của Chủ tọa.
3. Ban kiểm phiếu:
- a. Chủ tọa giới thiệu một hoặc một số người làm thành viên Ban kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết thông qua, Ban kiểm phiếu có các quyền và nghĩa vụ như sau:
 - i. Hướng dẫn cho cổ đông cách thức biểu quyết tại Đại hội trực tuyến.
 - ii. Tiến hành kiểm phiếu biểu quyết; Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu biểu quyết cho Đại hội đồng cổ đông.
 - b. Ban tổ chức đại hội có thể phân công nhân sự giúp việc cho Ban kiểm phiếu để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Điều 10. Xác nhận tư cách cổ đông

1. Công ty gửi thư mời tham dự Đại hội trực tuyến kèm theo văn bản có nội dung hướng dẫn xác nhận tư cách cổ đông đến từng cổ đông. Cổ đông thực hiện theo tài liệu hướng dẫn để đăng ký thông tin và xác nhận tư cách cổ đông trước khi tham dự Đại hội trực tuyến. Ban tổ chức đại hội phải thông báo các tài liệu hướng dẫn/quy định đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và các thông tin cần thiết khác cho cổ đông trước ngày diễn ra Đại hội trực tuyến.
2. Sau khi đã xác thực tư cách cổ đông hợp lệ, Công ty sẽ cấp Tài khoản truy cập cho cổ đông để thực hiện đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, biểu quyết điện tử trên Hệ thống theo hướng dẫn của Công ty nêu tại Khoản 1 của Điều này.
3. Các trường hợp được xem là cổ đông không tham dự Đại hội trực tuyến:
 - a. Cổ đông không cung cấp thông tin và gửi thư phản hồi về Công ty để xác thực tư cách cổ đông theo yêu cầu.
 - b. Cổ đông không đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

Điều 11. Đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến (Check-in)

1. Cổ đông đăng nhập bằng Tài khoản truy cập và xác thực OTP để đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo hướng dẫn được Công ty gửi vào số điện thoại, địa chỉ email của cổ đông hoặc hướng dẫn được đăng tải trên website Công ty (<https://www.evnfc.vn>). Mỗi lần đăng nhập, cổ đông sẽ được nhận 01 mã OTP khác nhau để thực hiện xác thực.
2. Cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến sau khi cuộc họp đã khai mạc thì vẫn được đăng ký tham dự và có quyền biểu quyết sau khi hoàn thành đăng ký. Ban chủ tọa không được dừng cuộc họp để cổ đông đăng ký tham dự và hiệu lực của các vấn đề đã tiến hành biểu quyết không bị ảnh hưởng.

Điều 12. Thảo luận tại Đại hội trực tuyến

1. Cổ đông thực hiện thảo luận theo hướng dẫn của Chủ tọa trong quá trình diễn ra Đại hội trực tuyến.
2. Cổ đông có thể thảo luận tại Đại hội trực tuyến bằng hình thức phát biểu trực tuyến hoặc gửi ý kiến thông qua các phương thức kết nối trực tiếp theo hướng dẫn của Ban tổ chức đại hội, Ban thư ký có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của cổ đông và gửi cho Ban chủ tọa.

Điều 13. Hình thức, cách thức biểu quyết

1. Hình thức biểu quyết:

Cổ đông có thể thực hiện quyền biểu quyết thông qua hình thức thức bỏ phiếu điện tử theo khoản 3 điều này.

2. Thời điểm biểu quyết

- a. Cổ đông có quyền biểu quyết từ thời điểm khai mạc Đại hội trực tuyến đến trước thời điểm kết thúc biểu quyết trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. Trường hợp cổ đông đã biểu quyết nhưng muốn thay đổi ý kiến thì phải thực hiện thay đổi trước thời điểm kết thúc biểu quyết. Ý kiến biểu quyết sau cùng được Hệ thống ghi nhận trước thời điểm kết thúc biểu quyết là ý kiến hợp lệ và được ghi nhận vào kết quả kiểm phiếu.
- b. Để bảo đảm diễn biến liên tục và tập trung thời gian cho phần diễn biến của đại hội, cổ đông tham dự khi đăng nhập Hệ thống có thể tiến hành biểu quyết về

chương trình đại hội, thành phần Ban kiểm phiếu và nội dung sửa đổi về quy chế tổ chức đại hội (nếu có). Thời gian kết thúc biểu quyết của các nội dung này trên Hệ thống sẽ được Ban tổ chức thông báo tại thời điểm khai mạc Đại hội trực tuyến.

- c. Các kết quả bỏ phiếu được tính tại thời điểm cổ đông thực hiện bỏ phiếu điện tử nên việc kết nối của cổ đông bị ngắt đột ngột (nếu có) chỉ ảnh hưởng đến các nội dung chưa bỏ phiếu, các nội dung đã bỏ phiếu không bị ảnh hưởng.
- d. Trước khi thời hạn biểu quyết kết thúc, cổ đông chỉ được biết kết quả bỏ phiếu của mình. Sau khi thời hạn biểu quyết kết thúc, cổ đông sẽ biết được kết quả biểu quyết chung đối với từng nội dung do Ban chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố.

3. Bỏ phiếu điện tử

- a. Cổ đông sử dụng Tài khoản truy cập và mã OTP để đăng nhập vào trang web theo hướng dẫn được đăng tải trên website Công ty để thực hiện biểu quyết.
- b. Cổ đông quyết định chọn biểu quyết bằng hình thức đánh dấu chọn vào 01 trong 03 ô tương ứng “**Đồng ý**”, “**Không đồng ý**”, “**Không ý kiến**” đối với từng nội dung xin ý kiến của cổ đông trên Hệ thống. Kết quả biểu quyết theo từng nội dung sẽ được Ban kiểm phiếu báo cáo đại hội ngay sau khi hoàn tất công tác kiểm phiếu biểu quyết.
- c. Cổ đông có quyền biểu quyết là cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến tính đến thời điểm biểu quyết và số lượng cổ đông này là cơ sở để tính tỷ lệ phiếu biểu quyết của cổ đông. Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến nhưng không thực hiện biểu quyết bằng cách đánh dấu chọn vào 01 trong 03 ô tương ứng được đề cập ở mục b thì được hiểu là cổ đông đó không tham gia bầu cử và không được tính vào số phiếu thu về hợp lệ.
- d. Khi điều hành đại hội, Ban chủ tọa phải thông báo thời điểm kết thúc bỏ phiếu trên Hệ thống để cổ đông thực hiện quyền của mình, ngoại trừ nội dung bỏ phiếu nêu tại khoản 2.b Điều này. Trường hợp cổ đông gặp trục trặc về việc bỏ phiếu trên Hệ thống có thể liên hệ các kênh hỗ trợ hotline theo thông báo của Ban tổ chức đại hội để được hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thành việc bỏ phiếu.

Kể từ thời điểm Hệ thống đóng nội dung bỏ phiếu, cổ đông không có quyền thay đổi bất cứ nội dung nào đã bỏ phiếu, kết quả bỏ phiếu của cổ đông được ghi nhận trên Hệ thống theo Tài khoản truy cập là kết quả cuối cùng và không được phép khiếu nại/khiếu kiện liên quan đến kết quả này.

4. Kết quả biểu quyết

- a. Ban kiểm phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại đại hội có trách nhiệm kiểm tra kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả biểu quyết.
- b. Kết quả biểu quyết được Ban Chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố ngay tại Đại hội trực tuyến.

Điều 14. Tỷ lệ thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 và khoản 3 Điều 31 Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông đã đăng ký tham dự đại hội chấp thuận.
2. Đối với quyết định, nghị quyết về sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Quyết định, nghị quyết cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của EVF tại Điều 17 của Điều lệ này; thông qua phương án thay đổi mức Vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán; quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của Công ty có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của Công ty ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản ngân hàng thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông đã đăng ký tham dự đại hội chấp thuận.

Điều 15. Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Nội dung họp Đại hội trực tuyến được Ban thư ký ghi chép và lập thành Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Biên bản cuộc họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội trực tuyến.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
4. Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ phải được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.